

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC
MÔN: CHĂM SÓC NGƯỜI BỆNH TRUYỀN NHIỄM

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
					HS1	HS2			L1	L2		
							4.0		6.0	6.0	TB Môn	KQ1
1	1213240011	Trần Trung Hậu	20/10/1997	01DD14B1	8.5	9.0	8.8		9.7		9.4	Đạt
2	1213240025	Huỳnh Thị Thúy Uyên	11/12/1995	01DD14B1	8.0	9.0	8.7		10.0		9.5	Đạt
3	1213180014	Võ Thanh Hùng	26/11/2001	01DD14B1	8.0	9.0	8.7		10.0		9.5	Đạt
4	1213240064	Phạm Bình Thường	29/10/2001	01DD14B1	8.0	9.0	8.7		10.0		9.5	Đạt

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC
MÔN: CHĂM SÓC SỨC KHỎE TRẺ EM

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
					HS1	HS2			L1	L2		
							4.0		6.0	6.0	TB Môn	KQ1
1	1213240011	Trần Trung Hậu	20/10/1997	01DD14B1	5.0	5.0	5.0		8.5		7.1	Đạt
2	1213240025	Huỳnh Thị Thúy Uyên	11/12/1995	01DD14B1	5.0	5.0	5.0		8.5		7.1	Đạt
3	1213180014	Võ Thanh Hùng	26/11/2001	01DD14B1	7.0	7.5	7.3		8.3		7.9	Đạt
4	1213240064	Phạm Bình Thường	29/10/2001	01DD14B1	5.5	6.0	5.8		8.2		7.2	Đạt

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC
MÔN: CHĂM SÓC NGƯỜI BỆNH CHUYÊN KHOA

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
					HS1	HS2			L1	L2		
							4.0		6.0	6.0	TB Môn	KQ1
1	1213240011	Trần Trung Hậu	20/10/1997	01DD14B1	10.0	8.0	8.7		8.2		8.4	Đạt
2	1213240025	Huỳnh Thị Thúy Uyên	11/12/1995	01DD14B1	8.0	8.0	8.0		8.3		8.2	Đạt
3	1213180014	Võ Thanh Hùng	26/11/2001	01DD14B1	9.0	8.0	8.3		8.3		8.3	Đạt
4	1213240064	Phạm Bình Thường	29/10/2001	01DD14B1	10.0	8.0	8.7		7.5		8.0	Đạt

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC

MÔN: Y HỌC CỔ TRUYỀN - PHỤC HỒI CHỨC NĂNG

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
					HS1	HS2			L1	L2		
							4.0		6.0	6.0	TB Môn	KQ1
1	1213240011	Trần Trung Hậu	20/10/1997	01DD14B1	8.0	9.0	8.7		9.2		9.0	Đạt
2	1213240025	Huỳnh Thị Thúy Uyên	11/12/1995	01DD14B1	9.0	9.0	9.0		10.0		9.6	Đạt
3	1213180014	Võ Thanh Hùng	26/11/2001	01DD14B1	8.0	9.0	8.7		7.8		8.2	Đạt
4	1213240064	Phạm Bình Thường	29/10/2001	01DD14B1	8.0	8.0	8.0		9.0		8.6	Đạt